

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIETTECH HÀ NỘI**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIETTECH HÀ NỘI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIETTECH HA NOI TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VIETTECH HA NOI TECHNOLOGY .,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107887634

**3. Ngày thành lập:** 15/06/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 1073, đường Ngô Gia Tự, tổ 11, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7410     |
| 2.  | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 6201     |
| 3.  | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 3312     |
| 4.  | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính<br>Chi tiết:<br>Dịch vụ tư vấn, xây dựng dự án phần mềm;<br>Dịch vụ chuyển giao công nghệ phần mềm;<br>Dịch vụ tư vấn, đánh giá, thẩm tra chất lượng phần mềm;<br>Đào tạo công nghệ thông tin;<br>Dịch vụ phân phối, cung cấp sản phẩm phần mềm;<br>Tư vấn, phân tích, lập kế hoạch, phân loại, thiết kế trong lĩnh vực công nghệ thông tin;<br>Tích hợp hệ thống, chạy thử, dịch vụ quản lý ứng dụng, cập nhật, bảo mật trong lĩnh vực công nghệ thông tin;<br>Thiết kế, lưu trữ, duy trì trang thông tin điện tử;<br>Bảo hành, bảo trì, bảo đảm an toàn mạng và thông tin;<br>Cập nhật, tìm kiếm, lưu trữ, xử lý dữ liệu và khai thác cơ sở dữ liệu;<br>Dịch vụ quản trị, bảo quản, bảo trì hoạt động của phần mềm và hệ thống thông tin; | 6209     |
| 5.  | Cổng thông tin                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 6312     |
| 6.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4651     |
| 7.  | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4932     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 8.  | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Dạy máy tính;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 8559        |
| 9.  | Sản xuất thiết bị truyền thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 2630        |
| 10. | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 2710        |
| 11. | Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 2817        |
| 12. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 6202(Chính) |
| 13. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 6311        |
| 14. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>Chi tiết: Dịch vụ thương mại điện tử;                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4791        |
| 15. | Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 2651        |
| 16. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4933        |
| 17. | Hoạt động viễn thông khác<br>Chi tiết:<br>- Đại lý dịch vụ viễn thông;<br>- Dịch vụ viễn thông cơ bản;<br>- Dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng;                                                                                                                                                                                                                                                               | 6190        |
| 18. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;<br>(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)                                                                                                                                          | 8299        |
| 19. | Xuất bản phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 5820        |
| 20. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4931        |
| 21. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7020        |
| 22. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4652        |
| 23. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi);<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; | 4659        |
| 24. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 3320        |
| 25. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7310        |
| 26. | Hoạt động xuất bản khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 5819        |
| 27. | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 1811        |
| 28. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 1812        |

|     |                                                                                                        |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 29. | Hoạt động nhiếp ảnh<br>Chi tiết: Chụp ảnh cho tiêu dùng và thương mại                                  | 7420 |
| 30. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                              | 4742 |
| 31. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh | 4741 |
| 32. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                 | 7710 |
| 33. | Vận tải bằng xe buýt                                                                                   | 4920 |
| 34. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                              | 8230 |
| 35. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý, môi giới,                                               | 4610 |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông      | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức               | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | VŨ THỊ THANH CHÀ | Số 64, đường Nguyễn Văn Hưởng, tổ 7, Phường Giang Biên, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 150.000    | 1.500.000.000         | 30,000    | 012773310                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                                    | Tổng số           | 150.000    | 1.500.000.000         | 30,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                                    |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | PHẠM THỊ DIỄN    | Thôn Dương Cước, Xã Hồng Thái, Huyện Kiến Xương, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam                          | Cổ phần phổ thông | 150.000    | 1.500.000.000         | 30,000    | 0341900008<br>83                                                                            |         |
|     |                  |                                                                                                    | Tổng số           | 150.000    | 1.500.000.000         | 30,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                                    |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | TRẦN THỊ MƠ      | Tổ 1, khu 4a, Phường Cẩm Trung, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam                       | Cổ phần phổ thông | 200.000    | 2.000.000.000         | 40,000    | 100411726                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                                    | Tổng số           | 200.000    | 2.000.000.000         | 40,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                                    |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

**9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: **VŨ THỊ THANH CHÀ**

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *07/12/1990*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *012773310*

Ngày cấp: *05/04/2005*

Nơi cấp: *Công an thành phố Hà Nội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 64, đường Nguyễn Văn Hưởng, tổ 7, Phường Giang Biên, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 64, đường Nguyễn Văn Hưởng, tổ 7, Phường Giang Biên, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội